TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14/6/2024.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kim Na Rinh.

Ông Nguyễn Tấn Sĩ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đầy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Lý Phước Bền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại hai điểm cầu:

a/ Điểm cầu Trung tâm: Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: Số E, đường S, khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

b/ Điểm cầu thành phần: Tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án thụ lý số: 188/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05/3/2024, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2024/QĐXXST-HN, ngày 10/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2024/QĐST-HN, ngày 29/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Sơn Thị Ngọc T, sinh năm 1995. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Kim L, sinh năm 1992. Vắng mặt lần thứ 2, không có lý do.

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Sơn Thị Ngọc T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh L xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/4/2015 tại UBND xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân, chị và anh L có quen nhau khoảng 01 năm, có tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Nữ trang ngày cưới bán hết không còn. Sau ngày cưới anh L về sống bên vợ đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trong việc chi tiêu tiền bạc, anh tính toán chi ly, tiền bạc anh quản lý giữ hết, anh cho gia đình bên anh mượn tiền nhưng không có trao đổi gì với chị, mặt khác anh còn ghen tuông vô cớ, dẫn đến cự cãi nhau, anh L đánh chị hai lần, mâu thuẫn cứ tiếp diễn, vợ chồng sống không hạnh phúc, ly thân nhau từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kim L.

- Về nuôi con tên: Kim Nhật T1, sinh ngày 01/4/2016. Chị xin được quyền nuôi dưỡng con khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị không tranh chấp, không khởi kiện.

Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ 2, anh Kim L vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Kim Nhật T1 sinh ngày 01/4/2016 trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn, nguyện vọng của con xin được sống với mẹ.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên.

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh L, giao con tên Kim Nhật T1 sinh ngày 01/4/2016 cho chị T nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết, buộc chị T nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh Kim L là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa xét xử lần thứ 02 anh Kim L vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Xét thấy chị T khởi kiện yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kim L, chị xin được quyền nuôi dưỡng con khi ly hôn, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy chị T và anh L xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/4/2015 tại UBND xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

Chị T khai: Sau ngày cưới anh L về sống bên vợ đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trong việc chi tiêu tiền bạc, anh tính toán chi ly, tiền bạc anh quản lý giữ hết, anh cho gia đình bên anh mượn tiền nhưng không có trao đổi gì với chị, mặt khác anh L còn ghen tuông vô cớ, dẫn đến cự cãi nhau, anh L đánh chị hai lần, do tính tình anh L không sửa đổi, mâu thuẫn cứ xảy ra, vợ chồng sống không hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 10 năm 2022 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kim L.

Đối với anh Kim L: Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không tống đạt được, lý do anh L đi khỏi nơi cư trú, không cung cấp địa chỉ mới cho chị T biết, Tòa án đã giao văn bản tố tụng cho chị Kim Thị Lẹ N (*em ruột anh L, chung sống gia đình*) đã cam kết thông báo cho anh L biết để anh tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật, tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải anh L đều vắng mặt không lý do nên phiên hòa giải đoàn tụ không tiến hành được, hôm nay tại phiên tòa xét xử lần 02, anh L tiếp tục vắng mặt, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh L xảy ra từ tháng 10 năm 2022 kéo dài đến nay hơn 20 tháng, nhưng anh chị đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, không liên lạc với nhau, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T cương quyết xin ly hôn, không chung sống với anh L, từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn

khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Về nuôi con:* Xét thấy chị T và anh L chung sống sinh 01 người con tên Kim Nhật T1, sinh ngày 01/4/2016, trong thời gian ly thân 20 tháng qua, chị T vẫn nuôi con chăm sóc chu đáo về mọi mặt, đối với anh L thì bỏ mặt, không quan tâm đến việc nuôi dưỡng thăm nom chăm sóc con chung. Tại đơn kiện, trong quá trình xét xử chị T xin được quyền nuôi dưỡng con là phù hợp với nguyện vọng của Kim Nhật T1 là xin được sống với mẹ. Để tạo điều kiện cho Kim Nhật T1 có cuộc sống ổn định nhằm phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con tên Kim Nhật T1 cho chi T được quyền nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị T không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Sơn Thị Ngọc T có nghĩa vụ nộp theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét lời trình bày của Kiểm sát viên về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Sơn Thị Ngọc T.

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Sơn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Kim L.

- *Về nuôi con:*

+ Chị Sơn Thị Ngọc T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Kim Nhật T1, sinh ngày 01/4/2016, khi ly hôn.

+ Anh Kim L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Buộc chị Sơn Thị Ngọc T nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001133, ngày 27/02/2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Sơn Thị Ngọc T đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

+ Chị Sơn Thị Ngọc T có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Anh Kim L vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày anh nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã Kim Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.